TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
**KHOA MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Anh văn chuyên ngành
Trình độ đào tạo: Đại học

## 1. Thông tin tổng quát (General information)

| | |
|---|---|
| Tên học phần: | |
| Tiếng Việt: | Anh văn chuyên ngành |
| Tiếng Anh: | *Specific Environmental English* |
| Mã số học phần: | 140315028 |
| Thời điểm tiến hành: | HK 7 |
| Loại học phần: | |
| ☑ Bắt buộc<br>☐ Tự chọn | |
| Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:<br>☐ Kiến thức giáo dục đại cương<br>☑ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☑ Kiến thức cơ sở ngành<br>☐ Kiến thức ngành<br>☐ Kiến thức chuyên ngành<br>☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp | |
| Số tín chỉ: | 02 tín chỉ |
| Tiết tín chỉ đối với các hoạt động | 30 tiết |
| Số tiết lý thuyết: | 29 tiết |
| Số tiết bài tập: | 0 tiết |
| Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm: | 0 tiết |
| Số tiết thực tập: | 0 tiết |
| Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH: | 0 tiết |
| Kiểm tra: | 1 tiết |
| Thời gian tự học: | 60 tiết |
| Điều kiện tham dự học phần: | |
| Học phần tiên quyết: | Anh văn 1, anh văn 2. |
| Học phần song hành: | |
| Điều kiện khác: | |
| Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: | Môi trường/Cấp thoát nước |

**2. Mô tả học phần (Course Description)**

Học phần *Anh văn chuyên ngành Môi trường* thuộc nhóm môn cơ sở ngành, được đào tạo cho sinh viên từ năm thứ 2 trở đi nếu đã đạt các học phần về Anh văn 1, Anh văn 2. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ sở về tiếng Anh liên quan đến chuyên ngành Môi trường đang học, qua đó sinh viên làm việc hiệu quả hơn với các tài liệu học thuật hoặc chuyên ngành được trình bày bằng tiếng Anh, cũng như có khả năng sử dụng anh văn học thuật chuyên nghiệp phục vụ cho công tác chuyên môn (thuyết trình, viết báo khoa học, viết email trao đổi công việc, thực hiện dịch thuật một số văn bản chuyên ngành bằng tiếng Anh).

**3. Mục tiêu học phần (Course Goals)**

| **Mục tiêu học phần** *(CGs)* | **Mô tả** *(Course goal description)* *Học phần này trang bị cho sinh viên:* | **Chuẩn đầu ra CTĐT** (ELOs) |
|---|---|---|
| **CG1** | Bổ sung vốn từ vựng cơ bản và thuật ngữ chuyên ngành Môi trường | ELO6, ELO5, ELO8, ELO11 |
| **CG2** | Có khả năng đọc, hiểu, khai thác tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh | ELO6, ELO5, ELO8, ELO9, ELO11 |
| **CG3** | Có khả năng trình bày một nội dung chuyên ngành bằng tiếng Anh. | ELO5, ELO9, ELO11 |
| **CG4** | Tự rèn luyện các kỹ năng: thuyết trình, làm việc nhóm và giao tiếp. Nâng cao ý thức bảo vệ Môi trường | ELO5,9, ELO11, ELO12 |

**4. Chuẩn đầu ra học phần** (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

| **Chuẩn đầu ra HP***[1]* | **Mô tả CĐR học phần** *[2]* *(Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)* | **Chuẩn đầu ra CTĐT***[3]* |
|---|---|---|
| **CELO1** | Nhận ra, ghi chép và hiểu nghĩa của một số thuật ngữ chuyên ngành Môi trường | ELO2, ELO6, ELO5, ELO8, ELO11 |
| **CELO2** | Đọc, dịch, hiểu được các bài báo cáo chuyên ngành môi trường bằng tiếng Anh | ELO2, ELO6, ELO5, ELO8, ELO9, ELO11 |
| **CELO3** | Viết các báo cáo ngắn, đoạn văn ngắn chuyên ngành Môi trường bằng tiếng anh. | ELO2, ELO9, ELO11 |
| **CELO4** | Sử dụng tiếng Anh trong trao đổi email/ thuyết | ELO2, ELO9, |

| | | |
|---|---|---|
| | trình/ giao tiếp chuyên môn. | ELO11s |
| **CELO5** | Có kỹ năng: thuyết trình, làm việc nhóm, giao tiếp<br>Nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu. | ELO9, ELO11, ELO12 |

*Ghi chú: Nhóm chuẩn đầu ra kiến thức: CELO 1 – 3.*
*Nhóm chuẩn đầu ra kỹ năng: CELO 1 – 4.*
*Nhóm mức độ tự chủ và trách nhiệm: CELO 5*

**Ma trận mối quan hệ giữa CĐR học phần (CELOs) và CĐR của CTĐT (ELOs)**

| Chuẩn đầu ra HP[1] | CĐR của CTĐT | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **ELO1** | **ELO2** | **ELO3** | **ELO4** | **ELO5** | **ELO6** | **ELO7** | **ELO8** | **ELO9** | **ELO10** | **ELO11** | **ELO12** |
| **CELO1** | | M | | | M | H | | M | | | M | |
| **CELO2** | | H | | | M | H | | M | M | | H | |
| **CELO3** | | H | | | | | | | M | | H | |
| **CELO4** | | H | | | | | | | M | | H | |
| **CELO5** | | | | | | | | | H | | H | H |

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

**5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần**

**5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập**

***Phương pháp giảng dạy:***

Phương pháp giảng dạy áp dụng theo quy định trong công văn số 03/CV-KMtr của khoa môi trường:

| | | |
|---|---|---|
| (1) | Phương pháp thuyết trình (Lecturing) | ☑ |
| (2) | Phương pháp động não (Brainstorming) | ☑ |
| (3) | Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ (Think-pair-share) | ☑ |
| (4) | Phương pháp học dựa trên vấn đề (Problem based learning) | ☐ |
| (5) | Phương pháp hoạt động nhóm (Group based learning) | ☑ |
| (6) | Phương pháp đóng vai (Role playing) | ☑ |
| (7) | Phương pháp học dựa vào dự án (Project based learning) | ☐ |
| (8) | Phương pháp mô phỏng (Simualtion) | ☐ |
| (9) | Nghiên cứu tình huống (Case studies) | ☑ |
| (10) | Phương pháp tham quan thực tế (Fieldtrip/xem video) | ☐ |

| | | |
|---|---|---|
| (11) | Phương pháp Dạy học thông qua làm đồ án/ thực hành/thực tập | ☐ |

**5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần**

**5.2.1 Điểm đánh giá:**

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30 %, bao gồm: bài kiểm tra giữa kỳ, bài tập cá nhân.

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận☑ Trắc nghiệm☐ Thảo luận nhóm☑ Bài tập lớn☐ Thực hành☐ Khác☑

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70 %, bao gồm: bài thi cuối kỳ.

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận☑ Trắc nghiệm☐ Thực hành☐ Khác☐

**5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)**

| Thành phần đánh giá [1] | Bài đánh giá/thời gian (Ax.x) [2] | Nội dung đánh giá [3] | CĐR học phần (CELO.x.x) [4] | Số lần đánh giá/thời điểm [5] | Tiêu chí đánh giá [6] | Phương pháp đánh giá[7] | Tỷ lệ (%) [8] |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Đánh giá quá trình | A1.1 Bài tập cá nhân/ nhóm. | - Khả năng tự tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu.<br>- Tổng hợp kiến thức | CELO 1, 2, 3, 4. | Mỗi SV tối thiểu 01 lần và không quá 03 lần trong chương trình học, ngẫu nhiên theo bài học. | Nội dung đầy đủ, đúng | Phương pháp viết | 10% |
| | A1.2 Đánh giá giữa kỳ | -Nội dung Unit 1 – Unit 3. | CELO1, 2, 3, 4, 5 | 01 bài vào cuối tuần thứ 7 | - Trả lời đúng theo đáp án đề kiểm tra | Phương pháp viết | 20% |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | của chương trình học. | giữa kỳ. | | |
| A2. Đánh giá cuối kỳ | A2.1 Kết thúc học phần | Toàn bộ kiến thức của môn | CELO1, 2, 3, 4, 5 | 01 bài theo lịch thi sau khi kết thúc môn học được phân công bởi nhà trường. | Trả lời đúng theo đáp án của đề thi kết thúc học phần. | Phương pháp viết | 70% |

**6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | PPGD CHÍNH | KQHTMĐ của HP |
|---|---|---|---|
| 1 | **Giới thiệu môn học (1 tiết)**<br>- Giới thiệu mục tiêu và chuẩn đầu ra môn học<br>- Giới thiệu nội dung, phương pháp học<br>- Giới thiệu các yêu cầu bài tập cá nhân, nhóm và các cách đánh giá kết quả học tập, rubric của môn học<br>**Unit 1. ENVIRONMENTAL MANAGEMENT**<br>**A. Nội dung giảng dạy trên lớp (1,5 tiết):**<br>- Giới thiệu môn học, tài liệu<br>- Triển khai nhóm tiểu luận/ giao nhiệm vụ<br>- Tài liệu hướng dẫn dịch thuật tên các cơ quan Nhà nước.<br>- Reading skills – Unit 1.<br>**Nội dung thảo luận, tương tác trên lớp:**<br>- Trình tự khai thác 1 bài đọc để đọc được hiệu quả?<br>- Dịch thuật tên các cơ quan NN đúng chuẩn?<br>- Bài tập nhóm: các nhóm thách đố nhau | PP Thuyết giảng<br>PP hoạt động nhóm<br>GV giảng các nội dung chính, đặt vấn đề để sinh viên suy nghĩ, cân nhắc vấn đề. Lớp học sẽ chia nhóm để phản biện lại.<br>Sv chú ý nghe giảng, ghi chép, suy nghĩ và thảo luận để tương tác trong giờ học theo hướng dẫn của GV. | CELO1<br>CELO2 |

| Tuần | Nội dung | PPGD CHÍNH | KQHTMĐ của HP |
|---|---|---|---|
| | dịch tên các cơ quan NN nhanh và nhiều nhất.<br><br>**B. Các nội dung cần tự học ở nhà (6 tiết):**<br>- Học từ vựng<br>- Đọc bài hỗ trợ (ngữ pháp) có trong tài liệu tham khảo.<br>- Unit 1: Reading and Discussion | | |
| 2 | **Unit 1.(cont.) ENVIRONMENTAL MANAGEMENT**<br>**A. Nội dung giảng dạy trên lớp (3 tiết):**<br>- Unit 1: Reading and Discussion<br>- Grammar and writing<br>- Bài tập<br>**Nội dung thảo luận, tương tác trên lớp:**<br>1. What is environmental management?<br>2. Why do we need to manage environment?<br>3. How many activities of the environmental management process are?<br>4. Which methods are used to evaluate the impact of substances on the environment and human health?<br>5. What does risk assessment play important role?<br>6. In all environmental management tools, which is tool to help to identify opportunities for waste reduction or elimination?<br>7. What things you will find from a product having eco-labelling?<br>**B. Các nội dung cần tự học ở nhà (6 tiết):**<br>- Đọc bài unit 2.<br>- Học từ vựng<br>- Tìm hiểu về Email. | PP Thuyết giảng<br>PP Động não<br>PP hoạt động nhóm<br>Sv triển khai đọc bài và thảo luận theo nhóm để trả lời các câu hỏi/bài tập trong phần đọc hiểu và bài tập của giáo trình.<br>GV thuyết giảng và tổng kết lại các vấn đề chính. | CELO1<br>CELO2<br>CELO3<br>CELO5 |
| 3 | **Unit 2. WATER SUPPLY AND SANITATION**<br>**A. Nội dung giảng dạy trên lớp (3 tiết):**<br>Reading and Dicussion<br>Grammar<br>Thảo luận: email writing.<br>**Nội dung thảo luận, tương tác trên lớp:** | PP Thuyết giảng<br>PP Động não<br>PP hoạt động nhóm<br>Sv triển khai đọc bài và thảo luận | CELO1<br>CELO2<br>CELO3<br>CELO4 |

| Tuần | Nội dung | PPGD CHÍNH | KQHTMĐ của HP |
|---|---|---|---|
| | What is the importance of water supply?<br>Why is sanitation important?<br>- Mục tiêu sử dụng email? Tại sao viết email quan trọng? Các vấn đề SV đã biết về email? | theo nhóm để trả lời các câu hỏi/bài tập trong phần đọc hiểu và bài tập của giáo trình.<br>GV phản biện, dẫn dắt SV trong quá trình làm bài, thảo luận và thuyết giảng, tổng kết lại các vấn đề chính. | |
| | **B. Các nội dung cần tự học ở nhà (6 tiết)**:<br>Đọc tài liệu tham khảo về Email writing.<br>Học từ vựng | | |
| 4 | **Unit 2 (cont.)**<br>**Unit 3. WASTEWATER TREATMENT**<br>**A. Nội dung giảng dạy trên lớp (3 tiết)**:<br>- Unit 2 (cont.) Email writing<br>- Unit 3<br>Reading and Dicussion<br>**Nội dung thảo luận, tương tác trên lớp:**<br>- Parameters which are necessarily removed or reduced in wastewater.<br>How many levels of a conventional treatment process?<br>The objective of sludge treatment<br>The objective of secondary treatment<br>The removal mechanism of aerobic biological treatment<br>Email gởi nhà tuyển dụng.<br>Email trao đổi công việc với đồng nghiệp cùng cấp.<br>Email trao đổi công việc với đồng nghiệp có liên quan đến lãnh đạo. | PP Thuyết giảng<br>PP Động não<br>PP hoạt động nhóm<br>PP đóng vai<br>Sv triển khai đọc bài và thảo luận theo nhóm để trả lời các câu hỏi/bài tập trong phần đọc hiểu và bài tập của giáo trình.<br>SV đóng vai viết email cho các tình huống và nhận xét.<br>GV phản biện, dẫn dắt SV trong quá trình làm bài, thảo luận và thuyết giảng, tổng kết lại các vấn đề chính. | CELO1<br>CELO2,<br>CELO3<br>CELO4<br>CELO5 |
| | **B. Các nội dung cần tự học ở nhà (6 tiết)**:<br>Đọc tài liệu tham khảo về presentation skills.<br>Học từ vựng | | |
| 5 | **Unit 3. WASTEWATER TREATMENT** | PP Thuyết giảng | CELO2, |

| Tuần | Nội dung | PPGD CHÍNH | KQHTMĐ của HP |
|---|---|---|---|
| | **A. Nội dung giảng dạy trên lớp (3 tiết):**<br>- Unit 3<br>Grammar<br>Presentation skill projects.<br>**Nội dung thảo luận, tương tác trên lớp:**<br>- Chuẩn bị cho 1 bài thuyết trình tiếng Anh có gì khác vs giống 1 bài thuyết trình tiếng Việt?<br>- Thuyết trình tiếng Anh khó/dễ? Lí do của bạn? | PP Động não<br>PP hoạt động nhóm<br>GV thuyết giảng, tổng kết các vấn đề chính.<br>SV lắng nghe, ghi chép và thảo luận.<br>SV chia nhóm để thảo luận về kỹ năng thuyết trình sử dụng tiếng Anh.<br>GV lắng nghe, giải đáp cho SV, chốt vấn đề. | CELO3<br>CELO4.<br>CELO5 |
| | **B. Các nội dung cần tự học ở nhà (12 tiết):**<br>Học từ vựng.<br>Chuẩn bị và đọc 1 bài báo khoa học. | | |
| 6 | **Unit 4. SUSTAINABLE DEVELOPMENT** | PP Thuyết giảng<br>PP Động não<br>PP hoạt động nhóm<br>Sv triển khai đọc bài và thảo luận theo nhóm để trả lời các câu hỏi/bài tập trong phần đọc hiểu và bài tập của giáo trình.<br>GV phản biện, dẫn dắt SV trong quá trình làm bài, thảo luận và thuyết giảng, tổng kết lại các vấn đề chính. | CELO1<br>CELO2,<br>CELO3<br>CELO5 |
| | **A. Nội dung giảng dạy trên lớp:**<br>Unit 4<br>Reading and discussion<br>Grammar<br>Structure of an academic paper<br>**Nội dung thảo luận, tương tác trên lớp:**<br>When was 'sustainability' employed to describe an economy "in equilibrium with basic ecological support systems."?<br>What are the three constituent domains of sustainable development?<br>What is Sustainable Development?<br>In the alternative Circles of Sustainability approach, what is the economic domain defined?<br>What does the sustainability of human settlements focus to study?<br>- Các tài liệu học thuật có thể tham khảo công việc?<br>- Khai thác bài báo khoa học như thế nào để | | |

| Tuần | Nội dung | PPGD CHÍNH | KQHTMĐ của HP |
|---|---|---|---|
| | đạt hiệu quả công việc? | | |
| | **B. Các nội dung cần tự học ở nhà (6 tiết):**<br>Tìm hiểu về cấu trúc bài báo khoa học và cách thu thập thông tin hiệu quả.<br>Học từ vựng. | | |
| 7 | **Unit 4. (cont.) SUSTAINABLE DEVELOPMENT** | PP Thuyết giảng<br>PP Động não<br>PP hoạt động nhóm<br>Sv triển khai đọc bài và thảo luận theo nhóm để trả lời các câu hỏi/bài tập trong phần đọc hiểu và bài tập của giáo trình.<br>GV thuyết giảng và tổng kết lại các vấn đề chính. | CELO2,<br>CELO3<br>CELO5 |
| | **A. Nội dung giảng dạy trên lớp (2 tiết):**<br>Unit 4 – Paper review (reading).<br>Paper writing (Unit 5)<br>**Nội dung thảo luận, tương tác trên lớp:**<br>Các khó khăn khi viết văn bản tiếng Anh đối với SV?<br>Bài báo khoa học được viết như thế nào? Các tiêu chí?<br>**Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết).** | | |
| | **B. Các nội dung cần tự học ở nhà:**<br>Học từ vựng<br>Viết abstract. | | |
| 8 | **Unit 5. WATER DISTRIBUTION SYSTEM** | PP Thuyết giảng<br>PP Động não<br>PP hoạt động nhóm<br>Sv triển khai đọc bài và thảo luận theo nhóm để trả lời các câu hỏi/bài tập trong phần đọc hiểu và bài tập của giáo trình.<br>GV thuyết giảng và tổng kết lại các vấn đề chính. | CELO 1<br>CELO2<br>CELO3<br>CELO4<br>CELO5 |
| | **A. Nội dung giảng dạy trên lớp (3 tiết):**<br>Unit 5 –<br>Reading and Dicussion<br>Grammar.<br>**Nội dung thảo luận, tương tác trên lớp:**<br>What are the types of water distribution system?<br>How does the water distribution system work?<br>What are the requirements of water distribution system? | | |
| | **B. Các nội dung cần tự học ở nhà (3 tiết) :**<br>Học từ vựng<br>Tìm hiểu về CVs, Cover letter. | | |
| 9 | **Unit 6. ENERGY SOURCES AND RENEWABLE ENERGY** | PP Thuyết giảng<br>PP Động não<br>PP hoạt động nhóm<br>Sv triển khai đọc | CELO 1<br>CELO2<br>CELO3<br>CELO4. |
| | **A. Nội dung giảng dạy trên lớp (3 tiết):**<br>- Unit 6<br>Reading and Dicussion | | |

| Tuần | Nội dung | PPGD CHÍNH | KQHTMĐ của HP |
|---|---|---|---|
| | CVs/ Cover letter.<br>**Nội dung thảo luận, tương tác ở lớp:**<br>What is the trend of using energy sources?<br>What are the advantages of the renewable energy?<br>How many types of the renewable energy? What are they?<br>How many types of the nonrenewable energy? What are they? | bài và thảo luận theo nhóm để trả lời các câu hỏi/bài tập trong phần đọc hiểu và bài tập của giáo trình.<br>GV thuyết giảng và tổng kết lại các vấn đề chính. | |
| | **B. Các nội dung cần tự học ở nhà (3 tiết)**:<br>Học từ vựng<br>Viết 1 CVs.<br>Viết 1 cover letter. | | |
| 10 | **Unit 6 (cont.) ENERGY SOURCES AND RENEWABLE ENERGY** | PP Thuyết giảng<br>PP Động não<br>PP hoạt động nhóm<br>GV giảng các nội dung chính, đặt vấn đề để sinh viên suy nghĩ, cân nhắc vấn đề. Lớp học sẽ chia nhóm để phản biện lại.<br>Sv chú ý nghe giảng, ghi chép, suy nghĩ và thảo luận để tương tác trong giờ học theo hướng dẫn của GV. GV thuyết giảng và tổng kết lại các vấn đề chính. | CELO2,<br>CELO3,<br>CELO4.<br>CELO5. |
| | **A. Nội dung giảng dạy trên lớp (3 tiết):**<br>Grammar.<br>Bài tập<br>Sửa/góp ý CVs/ Cover letter.<br>**Tổng kết môn học**<br>Hướng dẫn ôn tập và giải đáp thắc mắc<br>Công bố điểm quá trình<br>Thực hiện đánh giá chất lượng đào tạo | | |
| | **B. Các nội dung cần tự học ở nhà**:<br>Ôn tập toàn bộ kiến thức (10 tiết). | | |

**Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CĐR học phần**

| Bài học (Module) | CĐR học phần | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | CELO1 | CELO2 | CELO3 | CELO4 | CELO5 |
| **Unit 1. ENVIRONMENTAL MANAGEMENT** | H | H | M | L | M |
| **Unit 2. WATER SUPPLY AND SANITATION** | H | H | H | H | M |
| **Unit 3. WASTEWATER TREATMENT** | H | H | M | L | M |
| **Unit 4. SUSTAINABLE DEVELOPMENT** | H | H | H | H | M |
| **Unit 5. WATER DISTRIBUTION SYSTEM** | H | H | H | H | M |
| **Unit 6. ENERGY SOURCES AND RENEWABLE ENERGY** | H | H | M | M | M |

**H: High** **M: Medium** **L: Low**

**7. Tài liệu học tập**

**7.1. Tài liệu chính:**

1. Bài giảng Anh văn chuyên ngành Môi trường, Khoa Môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh – Lưu hành nội bộ, năm 2020.

**7.2. Tài liệu tham khảo:**

1. Michael McCarthy and Felicity O'Dell, *English Collocations in Use*, Cambridge University Press, 2007.

2. Sam McCarter, *Acadamic Writing Practice for Ielts*, Intelligence, 2002.

3. Daniel G. Riordan, *Technical Report Writing Today- tenth Edition*, Wadsworth Cengage Learning, 2012.

**8. Quy định của học phần**

***8.1. Quy định về tham dự lớp học***

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 20% số buổi học không có lý do sẽ bị cấm thi.

***8.2. Quy định về hành vi lớp học***

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng tiết quy định.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong tiết học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

***8.3. Quy định về tự học***

Sinh viên trước và sau mỗi bài học trên lớp cần dành thời gian đọc bài, làm bài tập và tìm hiểu các nội dung theo yêu cầu môn học

Thời gian tự học dành cho môn học tối thiểu 60 tiết

Sinh viên vắng 1 buổi học trên lớp tự học phần kiến thức vắng mặt và liên lạc với các bạn trong nhóm để học và bổ sung kiến thức

Sinh viên phải làm các bài tập cá nhân, bài tập nhóm và nộp bài theo yêu cầu của giảng viên đúng thời hạn quy định.

***8.4. Quy định về học vụ***

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

***8.5. Quy định phản hồi thông tin***

Sinh viên tham gia phản hồi ý kiến về hoạt động giảng dạy của giảng viên về môn học và chất lượng đào tạo của khoa theo đường link đính kèm sau khi kết thúc học phần.

https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLScwei1Az3Es1pLTDfwqjAshALX4Vz5b61jcCmYgHG-Aul48w/viewform

**9. Giảng viên phụ trách môn học**

Nhóm giảng viên giảng dạy môn học: TS. Đinh Thị Thu Hà, ThS. Lê Thị Ngọc Diễm, ThS. Vũ Phượng Thư.

**10. Ngày phê duyệt:** 30/9/2022

| **TRƯỞNG KHOA** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** | **NGƯỜI BIÊN SOẠN** |
|---|---|---|
| PGS. TS Nguyễn Thị Vân Hà | TS. Nguyễn Huy Cương | TS. Đinh Thị Thu Hà |